

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

**PHÁP LUẬT KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN,
QUA THỰC TIỄN TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2022

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Nguyễn Vinh Huy**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc
sĩ học tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	5
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....	5
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	5
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn	6
7. Kết cấu của luận văn	7
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN.....	7
1.1. Một số vấn đề lý luận pháp luật về kiểm tra sau thông quan.....	7
1.1.1. Khái niệm kiểm tra sau thông quan	7
1.1.2. Đặc điểm kiểm tra sau thông quan.....	8
1.1.3. Vai trò của kiểm tra sau thông quan.....	8
1.1.4. Nguyên tắc và phương pháp kiểm tra sau thông quan	9
1.2. Khái quát nội dung pháp luật về kiểm tra sau thông quan	9
1.3. Các yếu tố tác động đến kiểm tra sau thông quan	9
Tiêu kết Chương 1.....	11
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ	12
2.1. Thực trạng pháp luật kiểm tra sau thông quan.....	12
2.1.1. Quy định pháp luật kiểm tra sau thông quan.....	12
2.1.1.1 Quy định về việc áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro	12
2.1.1.2. Quy định các trường hợp kiểm tra sau thông quan	12
2.1.1.3. Quy định về phương pháp kiểm tra sau thông quan	12
2.1.1.4. Quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoạt động kiểm tra sau thông quan.....	12
2.1.1.5. Quy định về hiện đại hóa quản lý hải quan trong hoạt động kiểm tra sau thông quan	13
2.1.2. Đánh giá thực trạng pháp luật về kiểm tra sau thông quan.....	13
2.1.2.1. Những kết quả đạt được	13
2.1.2.2. Một số hạn chế, tồn tại	14
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật kiểm tra sau thông quan ở tỉnh Quảng Trị	14
Kết luận Chương 2	16

CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN	17
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật kiểm tra sau thông quan ở Việt Nam hiện nay.....	17
3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về kiểm tra sau thông quan về tài chính bảo đảm đúng định hướng, quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước	17
3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về kiểm tra sau thông quan đảm bảo sự phù hợp với các cam kết của Việt Nam trong quá trình hội nhập	17
3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về kiểm tra sau thông quan phải gắn với quá trình cải cách, hiện đại hóa hải quan theo mục tiêu phát triển của Hải quan Việt Nam	17
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật kiểm tra sau thông quan.....	18
3.2.1. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật kiểm tra sau thông quan.....	18
3.2.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả tài chính trong kiểm tra sau thông quan	18
3.2.2.1. Giải pháp chung.....	18
3.2.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan tại tỉnh Quảng Trị.....	20
Tiểu kết Chương 3	20
KẾT LUẬN	21
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	22

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

KTSTQ	: Kiểm tra sau thông quan
XK, NK	: Xuất khẩu, nhập khẩu
NXK	: Nhà xuất khẩu
CQHQ	: Cơ quan hải quan
NSNN	: Ngân sách nhà nước
CNTT	: Công nghệ thông tin
DNU'T	: Doanh nghiệp ưu tú

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam là một quốc gia đang phát triển và đang trên đà chuyển đổi sâu rộng theo xu hướng toàn cầu hóa. Cùng với tốc độ phát triển mạnh mẽ theo chiều hướng toàn cầu hoá của Việt Nam nói riêng và nền kinh tế thế giới nói chung, quan hệ giao lưu kinh tế giữa các quốc gia cũng ngày càng gia tăng. Thương mại quốc tế đã trở thành động lực phát triển của mỗi quốc gia cũng như của nền kinh tế thế giới. Thương mại quốc tế phát triển dẫn đến sự ra đời của các hiệp định thương mại quốc tế song phương (Ví dụ hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ) và đa phương (Các hiệp định: GATT, CEPT, AFTA...), các hiệp định này ra đời đã tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại quốc tế phát triển. Tuy nhiên, với mục tiêu phải giảm bớt thủ tục hành chính, giải phóng hàng hoá ra khỏi các cửa khẩu hải quan càng nhanh càng tốt đã tạo ra sức ép từ nhiều phía cho ngành Hải quan như: Khối lượng hàng hoá cần phải kiểm tra tăng lên; Thời gian lưu giữ hàng hoá để kiểm tra bị rút ngắn lại... Bên cạnh đó, Chính Phủ và nhân dân vẫn luôn đòi hỏi ngành Hải quan phải hoàn thành nhiệm vụ chống gian lận thương mại, bảo vệ sản xuất nội địa và không để thất thu thuế của nhà nước, của nhân dân. Ngoài ra, nhiệm vụ chống gian lận thương mại của ngành Hải quan còn phải đặt ra những khó khăn thách thức đó là thiếu thông tin về hàng hoá, trị giá tính thuế và trình độ nghiệp vụ của nhân viên Hải quan tại các cửa khẩu còn thiếu bất cập. Trong một khoảng thời gian rất ngắn lưu giữ hàng hoá tại các cửa khẩu, các nhân viên hải quan chỉ có thể “kiểm tra đại diện” theo xác suất một số lượng hoặc khối lượng hàng hoá nhất định, thường không quá 10% và chứng từ thương mại Hải quan (Commercial customs documents) do chủ hàng xuất trình tức là mới kiểm tra bề nổi mà thôi. Phần nội dung chính còn lại là những chứng từ, sổ và các ghi chép kế toán, ngân hàng... thì lại do chủ hàng nắm giữ, và trong đó có nhiều chứng từ có thể phát sinh sau khi hàng hoá đã được giải phóng ra khỏi cửa khẩu hải quan hoặc đã bán cho người thứ ba. Kinh nghiệm thực tế của Hải quan các nước cho thấy nếu tập hợp tất cả các bước tiến hành công việc kiểm tra của hải quan ngay tại cửa khẩu thì không những không thể phát hiện và ngăn chặn các trường hợp có ý gian lận, dễ dẫn đến thiếu sót, bỏ lọt vi phạm mà còn gây ách tắc, chậm trễ cho hoạt động XNK.

Ở Việt Nam, nghiệp vụ KTSTQ chính thức được triển khai vào năm 2002, sau khi Luật Hải quan 2001 có hiệu lực thi hành. Sau gần 20 năm hình thành và phát triển, KTSTQ đã khẳng định được vai trò quan trọng, không chỉ đảm bảo quản lý chặt chẽ hoạt động xuất nhập khẩu, ngăn chặn tình trạng thất thu thuế, phòng chống có hiệu quả các hành vi gian thương mại mà còn góp phần tạo thuận lợi cho thương mại quốc tế, giúp làm giảm thời gian, chi phí quản lý nhà nước về hải quan. Đồng thời, KTSTQ tác động trực tiếp cũng như gián tiếp tới việc nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của các chủ thể tham gia vào hoạt động xuất nhập khẩu, từ đó tạo nên một môi trường kinh doanh bình đẳng đối với tất cả các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động thương mại quốc tế. Xu hướng khá phổ biến trong nhiều thập kỷ gần đây là sự vận dụng những nguyên tắc quản lý hoạt động trong khu vực tư nhân được vận dụng thành các nguyên lý quản lý trong khu vực công. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng cải cách đang diễn ra ở lĩnh vực quản lý nhà nước. Theo đó, quản lý chi tiêu theo kết quả hoạt động, sự minh bạch hóa, tăng trách nhiệm giải trình, tăng khả năng tiên liệu đang ngày càng trở thành những trụ cột căn bản của quản lý công nói chung và quản lý tài chính công nói riêng. Hải quan là một cơ quan thu trụ cột của Bộ Tài chính và là một tổ chức hành thu đặc biệt, vừa làm nhiệm vụ gác cổng giao thương quốc tế, vừa quản lý nguồn thu quan trọng của ngân sách và thực thi công lý và công bằng trong nghĩa vụ đóng góp của các đối tượng kinh doanh với ngân sách nhà nước và đồng thời cũng là đơn vị dự toán thụ hưởng kinh phí ngân sách nhà nước. Vì vậy, hoạt động của cơ quan Hải quan không thể không tính đến hiệu quả và hiệu lực hoạt động. KTSTQ là một trong những hoạt động quan trọng nhất của cơ quan Hải quan, là một trong ba trụ cột của quản lý hải quan hiện đại (bao gồm KTSTQ, điều tra chống buôn lậu và quản lý rủi ro), vì vậy, nghiên cứu luận văn thạc sĩ “Pháp luật kiểm tra sau thông quan, qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị” có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu

Hiện nay có nhiều công trình nghiên cứu về kiểm tra sau thông quan ở Việt Nam và thế giới, một số công trình cụ thể như:

- Trần Vũ Minh (2008), với Luận văn về *Mô hình kiểm tra sau thông quan ở một số nước trên thế giới và khả năng áp dụng cho Việt Nam* đã nghiên cứu công phu và khá hoàn thiện về mô hình KTSTQ dưới góc độ của khoa học kinh

té. Bằng cách tiếp cận mô hình tổng quát, tác giả đã sáng tỏ các nội dung: Cơ sở khoa học của việc phải áp dụng mô hình KTSTQ đối với Hải quan Việt Nam trong điều kiện hội nhập; Nghiên cứu mô hình KTSTQ của một số nước trên thế giới, đặc biệt là các nước tiên tiến như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Pháp và liên kết kinh tế ASEAN; Đánh giá thực trạng mô hình KTSTQ của Hải quan Việt Nam, trên cơ sở đó phân tích những điểm mạnh và điểm yếu của mô hình KTSTQ của Việt Nam; Đề xuất mô hình mới và những giải pháp vận dụng cũng như xây dựng lộ trình thực hiện đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

- Phạm Thị Bích Ngọc (2014), với Luận văn *Kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan ở Việt Nam* đã hệ thống hóa các vấn đề lý luận và thực tiễn của KTSTQ về trị giá hải quan với tư cách là một nội dung chủ yếu và quan trọng nhất trong KTSTQ của ngành Hải quan. Kiểm tra xác định trị giá hàng hóa xuất, nhập khẩu liên quan trực tiếp tới kết quả và hiệu quả công tác hải quan, cũng như quyết định đến kết quả thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; nó quyết định đến kết quả cạnh tranh, bảo hộ sản xuất trong nước. Với việc nghiên cứu chuyên sâu về KTSTQ về trị giá hải quan, tác giả đã góp phần bổ sung và hoàn thiện thêm các vấn đề lý luận cơ bản về KTSTQ. Qua đó, đánh giá xác đáng thực trạng KTSTQ về trị giá hải quan ở Việt Nam, chỉ ra những điểm còn tồn tại và làm rõ nguyên nhân của những tồn tại đó; Đề xuất một số giải pháp hữu ích nhằm nâng cao hiệu quả công tác KTSTQ đối với trị giá hải quan ở Việt Nam trong thời gian tới.

- Đào Thị Hoa Sen (2018), với luận văn *Hoàn thiện pháp luật về kiểm tra sau thông quan ở Việt Nam*. Dưới góc độ khoa học lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, luận văn đã đi sâu nghiên cứu, làm rõ cơ sở lý luận của hoàn thiện pháp luật về KTSTQ với các vấn đề căn bản của khoa học pháp lý về khái niệm, nội dung, đặc điểm, vai trò của pháp luật về KTSTQ, tiêu chí đánh giá và các yếu tố ảnh hưởng đến hoàn thiện pháp luật nhằm đánh giá đúng thực trạng và mức độ hoàn thiện của pháp luật về KTSTQ ở Việt Nam. Bên cạnh đó, luận văn cũng đã tham khảo các chuẩn mực pháp lý quốc tế về KTSTQ, từ đó rút ra những giá trị cần tham khảo, học tập của Việt Nam trong quá trình hoàn thiện pháp luật về KTSTQ. Trên cơ sở đánh giá những thành tựu của pháp luật hiện hành, luận văn làm rõ vai trò của pháp luật về KTSTQ trong việc xây dựng mô hình quản lý hải quan hiện đại, đồng thời phân tích những bất cập hạn chế của pháp luật về KTSTQ. Trên cơ sở đó, tác

giả đề xuất các giải pháp để hoàn thiện pháp luật, đẩy mạnh công tác xây dựng và thực thi pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả của KTSTQ trong mô hình quản lý hiện đại của Hải quan Việt Nam.

- Nguyễn Thị Thương Huyền (2018), với đề tài nghiên cứu khoa học cấp Ngành “*Nghiên cứu giải pháp sử dụng hiệu quả công cụ kế toán, kiểm toán trong công tác kiểm tra sau thông quan*” đã phân tích tầm quan trọng của việc sử dụng công cụ kế toán, kiểm toán trong công tác KTSTQ, chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng công cụ kế toán, kiểm toán trong KTSTQ. Trên cơ sở đó, đề tài đánh giá thực tiễn sử dụng công cụ kế toán, kiểm toán trong KTSTQ quan Việt Nam hiện nay và đề xuất một số giải pháp nhằm sử dụng hiệu quả công cụ kế toán, kiểm toán trong KTSTQ.

- Văn Bá Tín (2013), *Nghiên cứu phương pháp kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong thông quan điện tử*. Đề tài đề cập đến lý luận chung về thủ tục hải quan, thông quan điện tử và KTSTQ, từ đánh giá thực trạng thông quan điện tử và KTSTQ nhóm tác giả đã xây dựng phương pháp KTSTQ trong thông quan điện tử và giải pháp thực hiện.

- Nguyễn Việt Hồng (2005), *Các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hóa hải quan giai đoạn 2004 – 2006* được thực hiện khi công tác hải quan có những bước tiến rất căn bản trong phương pháp quản lý từ thủ công sang hiện đại, Ngành Hải quan đã xây dựng chiến lược phát triển đến năm 2010 và triển khai thực hiện “Kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hóa ngành Hải quan giai đoạn 2004 - 2006”. Đề tài đã tổng quan về công tác KTSTQ với sơ lược sự hình thành và khái niệm về KTSTQ, nghiên cứu kinh nghiệm KTSTQ của một số nước trên thế giới như Hàn Quốc, Nhật Bản, Australia và Indonesia. Qua thực trạng công tác KTSTQ, trên cơ sở các yêu cầu nhiệm vụ của Kế hoạch cải cách, phát triển, hiện đại hóa hải quan giai đoạn 2004 - 2006, các quy định thông lệ quốc tế và Tổ chức Hải quan thế giới, các quy định của ASEAN về KTSTQ, định hướng và dự báo xu thế phát triển của Hải quan thế giới, đề tài đã đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác KTSTQ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cải cách, phát triển và hiện đại hóa hải quan, trong đó có việc rà soát, hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp lý hải quan về KTSTQ. Trong thời điểm KTSTQ mới hình thành và bắt đầu phát triển tại Việt Nam, đề tài đã đặt nền móng đầu tiên cho việc nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác KTSTQ.

Có thể thấy, các công trình nêu trên đã có các góc độ tiếp cận đa dạng về kiểm tra sau thông quan ở khía cạnh lý luận và pháp luật, đánh giá thực trạng cũng như các vấn đề đặt ra đối với pháp luật kiểm tra sau thông quan, là nguồn tư liệu giá trị để tác giả nghiên cứu tiếp nội dung của luận văn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu các vấn đề lý luận pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật kiểm tra sau thông quan qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Luận văn làm rõ những vấn đề lý luận pháp luật về KTSTQ ở góc độ nội hàm khái niệm, đặc điểm, vai trò và nội dung pháp luật kiểm tra sau thông quan.

- Luận văn phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về kiểm tra sau thông quan qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị.

- Luận văn đưa ra định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật kiểm tra sau thông quan về tài chính ở Việt Nam hiện nay và đối với thực hiện pháp luật kiểm tra hải quan tại tỉnh Quảng Trị.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là nghiên cứu các quan điểm, chính sách, chủ trương và các quy định của pháp luật về kiểm tra sau thông quan và thực tiễn thực hiện pháp luật kiểm tra sau thông quan qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Luận văn nghiên cứu các quy định pháp luật về kiểm tra sau thông quan và thực tiễn thực hiện pháp luật kiểm tra sau thông quan ở tỉnh Quảng Trị.

Về phạm vi không gian: Nghiên cứu qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị

Về phạm vi thời gian: Từ năm 2017 - 2021

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được trình bày dựa trên cơ sở phương pháp luận của học

thuyết Mác – Lênin về nhà nước và pháp luật; tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước, pháp luật; các quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước về hoàn thiện pháp luật, hội nhập kinh tế quốc tế, cải cách hành chính, xây dựng Hải quan hiện đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau bao gồm:

Phương pháp hệ thống hóa, khái quát hóa, phương pháp phân tích và tổng hợp, so sánh nhằm làm rõ cơ sở lý luận về KTSTQ, phương pháp này chủ yếu được sử dụng ở chương 1 và chương 2 của luận văn

- Phương pháp so sánh, lịch sử và logic, phân tích dữ liệu để đánh giá thực trạng hoạt động KTSTQ, những kết quả, thành tựu, hạn chế của thực tiễn KTSTQ tại tỉnh Quảng Trị. Phương pháp này sử dụng chủ yếu ở chương 2 của luận văn.

- Phương pháp phân tích và tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa để đề xuất định hướng và các nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu thực hiện pháp luật KTSTQ ở Việt Nam và ở tỉnh Quảng Trị trong bối cảnh và điều kiện thực hiện hải quan thông minh, hải quan điện tử. Phương pháp này được sử dụng chủ yếu trong chương 3 của luận văn

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

- Luận văn đưa ra khái niệm, các vấn đề pháp lý khoa học, có thể gợi mở những nội dung quan trọng đối với cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện hoạt động KTSTQ, xây dựng hành lang pháp lý vững chắc trong việc kiểm tra, giám sát, chống gian lận, trốn thuế trong hoạt động thông quan, góp phần tạo môi trường thông quan lành mạnh giữa các quốc gia và quốc tế.

- Trên cơ sở đối chiếu với chuẩn mực quốc tế, làm rõ những thành tựu của pháp luật về KTSTQ, thực tiễn thi hành pháp luật về KTSTQ trong giai đoạn hình thành cho đến nay, phân tích những bất cập trong quy định của pháp luật, những khó khăn vướng mắc khi áp dụng pháp luật trong hoạt động KTSTQ, đồng thời chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế, bất cập và đưa ra các giải pháp phù hợp trong quá trình cải cách tư pháp và hội nhập.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận văn có thể là tài liệu nghiên cứu sử dụng trong đào tạo vào nghiên

cứu khoa học khi thực hiện các chính sách, pháp luật đối với hoạt động KTSTQ gắn với các địa phương và đơn vị có thực hiện nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung của luận văn được kết cấu thành 03 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về kiểm tra sau thông quan

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về kiểm tra sau thông quan tại tỉnh Quảng Trị

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật kiểm tra sau thông quan.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

1.1. Một số vấn đề lý luận pháp luật về kiểm tra sau thông quan

1.1.1. Khái niệm kiểm tra sau thông quan

Khái niệm “Kiểm tra hải quan”: Theo chuẩn mực quốc tế, kiểm tra hải quan là các biện pháp do hải quan áp dụng nhằm đảm bảo sự tuân thủ Luật Hải quan¹. Có thể hiểu cụ thể hơn, kiểm tra hải quan là việc CQHQ kiểm tra hồ sơ hải quan, các chứng từ, tài liệu liên quan và kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải.

Khái niệm “Thông quan”: là việc hoàn thành các thủ tục hải quan cần thiết để cho phép hàng hóa được đưa vào phục vụ tiêu dùng trong nước, được XK hay đặt dưới một chế độ hải quan khác².

Các yếu tố cấu thành hoạt động KTSTQ bao gồm: chủ thể thực hiện KTSTQ (Cục KTSTQ và các Chi cục KTSTQ); khách thể tham gia vào hoạt động KTSTQ; đối tượng của KTSTQ; cách thức KTSTQ và mối quan hệ giữa các yếu tố khi tiến hành mọi hoạt động KTSTQ.

¹ Tổ chức Hải quan thế giới (1999), “Công ước quốc tế về đơn giản hóa và hài hoà hóa thủ tục hải quan”, tại trang <http://www.customs.gov.vn/>, [truy cập ngày 29/08/2020], định nghĩa E7.F3.

² Tổ chức Hải quan thế giới (1999), “Công ước quốc tế về đơn giản hóa và hài hoà hóa thủ tục hải quan”, tại trang <http://www.customs.gov.vn/>, [truy cập ngày 29/08/2020], định nghĩa E5.F9 .

1.1.2. Đặc điểm kiểm tra sau thông quan

Thứ nhất, là một trong các hoạt động nghiệp vụ mang tính hiện đại của CQHQ cùng với các bộ phận khác như bộ phận thông quan, bộ phận điều tra chống buôn lậu và các bộ phận khác để thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về Hải quan.

Thứ hai, là một phương pháp kiểm tra, kiểm soát Hải quan, KTSTQ không phải là biện pháp điều tra vi phạm Hải quan, ngay cả khi Luật Hải quan cho phép cán bộ Hải quan vào các cơ sở của cá nhân, doanh nghiệp để kiểm tra hồ sơ của họ và tiến hành xử phạt những ai chống đối hoặc ngăn cản công tác kiểm tra. Thông qua quy trình KTSTQ, cán bộ HQ tiếp cận, hợp tác với cá nhân, doanh nghiệp đang bị kiểm tra và tiến hành KTSTQ với sự hợp tác và đồng ý của họ³.

Thứ ba, là phương pháp kiểm tra ngược thời gian, diễn ra sau khi giải phóng hàng, KTSTQ có hiệu quả đáng kể nếu được thực hiện đối với những cá nhân, tổ chức tiến hành khai báo Hải quan liên tục trong một thời gian nhất định, dựa trên cơ sở phân tích trước hồ sơ lưu trữ về họ, đặc biệt là các đối tượng tiến hành xuất khẩu, nhập khẩu với số lượng lớn hàng hóa hoặc có số thuế phải nộp cao⁴.

Thứ tư, KTSTQ hướng đến việc khai báo đúng đắn, tuân thủ luật pháp quốc gia của cá nhân, doanh nghiệp tham gia hoạt động XK, NK. Thực hiện các biện pháp kiểm tra theo tất cả các thông tin có liên quan, bao gồm cả dữ liệu điện tử, do các cá nhân, đơn vị có liên quan cung cấp.

Thứ năm, KTSTQ không chỉ hướng vào đối tượng khai báo mà còn cả các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động thương mại quốc tế.

1.1.3. Vai trò của kiểm tra sau thông quan

Một là, nâng cao năng lực quản lý của cơ quan Hải quan, thực hiện chống gian lận thương mại có hiệu quả, đồng thời tạo điều kiện, cho phép áp dụng đơn giản hoá, tự động hoá thủ tục hải quan đảm bảo thông quan nhanh hàng hoá XNK góp phần tích cực vào phát triển và giao lưu thương mại quốc tế, cải thiện môi trường đầu tư; góp phần tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng trong sản xuất, lưu thông;

³ Cục kiểm tra sau thông quan (2006), hoàn thiện mô hình kiểm tra sau thông quan của Hải quan Việt Nam, Đề tài NCKH cấp ngành mã số 08-N2005.

⁴ Hồ Ngọc Đức (2018), Nâng cao chất lượng hoạt động kiểm tra sau thông quan tại Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị, Luận văn thạc sĩ khoa học kinh tế, Tr.9.

Hai là, KTSTQ là một trong những biện pháp góp phần đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh và có hiệu quả pháp luật hải quan và các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hóa, đặc biệt nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật của cộng đồng doanh nghiệp

Ba là, Đảm bảo ngăn chặn tình trạng thất thu ngân sách, giảm chi phí quản lý về hải quan, giảm thiểu rủi ro cho các chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật hải quan.

Bốn là, KTSTQ tác động tích cực trở lại với hệ thống quản lý của cơ quan Hải quan thông qua việc nhận biết và xử lý các rủi ro tiềm ẩn của toàn hệ thống kiểm tra, giám sát hải quan;

Năm là, Mở rộng phạm vi kiểm tra đối với hàng hóa XNK đã được thông quan: Thông qua hoạt động KTSTQ có thể mở rộng phạm vi kiểm tra tiếp khi cần thiết trong nhiều lĩnh vực khác như kiểm tra về chế độ giấy phép, về hạn ngạch, về xuất xứ hàng hóa, về sử dụng và quản lý hàng hóa được miễn thuế hoặc giảm thuế, chống bán phá giá, quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp.

1.1.4. Nguyên tắc và phương pháp kiểm tra sau thông quan

Một là, đảm bảo đúng quy định của pháp luật

Hai là, chính trực, khách quan, độc lập, không gây cản trở đến hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường của đơn vị được KTSTQ.

Ba là, bí mật thông tin

Bốn là, tuân thủ quy trình KTSTQ

Năm là, áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động KTSTQ

1.2. Khái quát nội dung pháp luật về kiểm tra sau thông quan

Một là, nhóm các quy phạm pháp luật xác định địa vị pháp lý của các chủ thể kiểm tra sau thông quan và đối tượng kiểm tra sau thông quan.

Hai là, nhóm các quy phạm pháp luật xác định phạm vi, nội dung tiến hành kiểm tra sau thông quan.

Ba là, nhóm các quy phạm pháp luật xác định trình tự, thủ tục tiến hành kiểm tra sau thông quan.

Bốn là, nhóm các quy phạm pháp luật quy định hậu quả pháp lý của hoạt động kiểm tra sau thông quan.

1.3. Các yếu tố tác động đến kiểm tra sau thông quan

Một là, chi phí thực hiện kiểm tra sau thông quan

Chi phí là các khoản hao phí để đạt được một hoặc những mục tiêu cụ thể, hay chi phí là số tiền phải trả để thực hiện các hoạt động cần thiết cho quá trình nào đó.

Hai là, thời gian kiểm tra sau thông quan

Thời gian KTSTQ cũng là một trong những yếu tố quan trọng trong việc đánh giá hiệu quả tài chính trong KTSTQ. Thời gian của một cuộc KTSTQ thường được tính từ khi bắt đầu thu thập thông tin về doanh nghiệp cần kiểm tra, đánh giá đề xuất, sau đó tiến hành kiểm tra cho đến khi kết thúc xử lý kết quả kiểm tra.

Ba là, nhận lực kiểm tra sau thông quan

Tổng số cán bộ, công chức thực hiện công tác KTSTQ của cơ quan hải quan là tổng số các cán bộ, công chức được tuyển dụng thuộc biên chế của ngành hải quan. Tuy nhiên tiêu chí về số lượng công chức, cán bộ KTSTQ còn được tiếp cận ở góc độ số lượng cán bộ, công chức tham gia vào từng cuộc kiểm tra cụ thể.

Bốn là, phát hiện các hành vi vi phạm và xử lý vi phạm hành chính

Vi phạm hành chính là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính. Xử phạt vi phạm hành chính là việc người có thẩm quyền xử phạt áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính.

Năm là, mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp

Đối với mỗi cơ quan hải quan hiện đại, việc áp dụng phương pháp quản lý tuân thủ là điều hết sức cần thiết, thông qua đó có thể biết được mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp XK, NK dựa trên việc theo dõi quá trình tự tuân thủ của doanh nghiệp, cơ quan hải quan sẽ phân loại doanh nghiệp theo từng nhóm riêng để có biện pháp quản lý thích hợp.

Hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực hải quan được tiếp cận ở góc độ là hiệu lực thực tế của các văn bản pháp luật về hải quan, tức là hiệu lực của việc tổ chức thực hiện, tính khả thi của các văn bản đó trong thực tiễn. Theo cách tiếp cận này, hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực hải quan được thể hiện ở hai mức độ sau:

Một là, mức độ chấp hành, phục tùng các quyết định quản lý nhà nước trong lĩnh vực hải quan. Điều này được thể hiện ở khả năng điều khiển, chi phối của Nhà nước đối với các hành vi của các cá nhân, tổ chức trong hoạt động hải quan nói chung và trong hoạt động KTSTQ nói riêng.

Hai là, mức độ đạt được mục đích, mục tiêu tổng thể của KTSTQ hay từng chương trình, chuyên đề, đề án, quyết định KTSTQ.

Tiểu kết Chương 1

Như vậy chương 1 luận văn đã làm rõ các vấn đề lý luận pháp luật về kiểm tra sau thông quan bao gồm khái niệm, đặc điểm, vai trò. Chương 1 luận văn cũng đã đưa ra các nội dung pháp luật về kiểm tra sau thông quan. Có thể thấy, kiểm tra sau thông quan đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện hải quan hiện đại, hải quan điện tử trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Pháp luật hải quan ngày càng tương thích và có sự thay đổi mạnh mẽ, các quốc gia tăng cường thiết lập mở rộng quan hệ thương mại xuyên biên giới. Việc tạo ra các hành lang pháp lý hải quan mang tính hiện đại, mở cửa và phù hợp với pháp luật quốc gia và chủ trương, chính sách trong nước đã thúc đẩy sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của kinh tế toàn cầu. Kiểm tra sau thông quan được đánh giá là có hiệu ứng tích cực trong quá trình cải cách hải quan, việc chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm đã thể hiện được sự hài hòa pháp luật ở Việt Nam và pháp luật quốc tế bảo đảm quy định pháp luật về đối tượng làm thủ tục thông quan.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ

2.1. Thực trạng pháp luật kiểm tra sau thông quan

2.1.1. Quy định pháp luật kiểm tra sau thông quan

2.1.1.1 Quy định về việc áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro

Không chỉ pháp luật quốc tế, pháp luật Hải quan Việt Nam luôn chú trọng vào công tác áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro nhằm giảm thiểu thiệt hại, tránh thất thu NSNN. Theo đó, kiểm tra, giám sát hải quan được thực hiện trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro nhằm bảo đảm hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về hải quan và tạo thuận lợi cho hoạt động XK, NK, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh⁵.

2.1.1.2. Quy định các trường hợp kiểm tra sau thông quan

Theo đó, KTSTQ được thực hiện trong ba trường hợp sau: Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan và quy định khác của pháp luật liên quan đến quản lý XK, NK; Kiểm tra trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro đối với trường hợp không có dấu hiệu vi phạm pháp luật; Kiểm tra tuân thủ pháp luật của người khai hải quan⁶.

2.1.1.3. Quy định về phương pháp kiểm tra sau thông quan

Theo Luật Hải quan, KTSTQ được thực hiện bằng hai phương pháp chính, đó là thực hiện kiểm tra tại trụ sở CQHQ và thực hiện kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan.

2.1.1.4. Quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoạt động kiểm tra sau thông quan

Tại Điều 81 Luật Hải quan 2014 đã quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của công chức hải quan trong KTSTQ tại trụ sở người khai hải quan. Bao gồm :

- Nhiệm vụ của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục KTSTQ, Cục trưởng Cục Hải quan trong việc ban hành quyết định, thành lập đoàn kiểm tra, gia hạn thời gian kiểm tra, ban hành kết luận kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo ;

⁵ Luật Hải quan 2014, Điều 16

⁶ Luật Hải quan 2014, Điều 78

- Nhiệm vụ quyền hạn của Trưởng đoàn kiểm tra trông tổ chức, chỉ đạo thành viên đoàn kiểm tra, yêu cầu người khai hải quan cung cấp thông tin, tài liệu, lập biên bản và báo cáo cho cấp có thẩm quyền đối với kết quả kiểm tra, tạm giữ niêm phong tài liệu tang vật, lập ký biên bản kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra;

- Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên đoàn kiểm tra trong việc thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả, lập ký biên bản kiểm tra theo sự phân công của Trưởng đoàn kiểm tra.

2.1.1.5. Quy định về hiện đại hóa quản lý hải quan trong hoạt động kiểm tra sau thông quan

Nhà nước ưu tiên đầu tư thiết bị kỹ thuật, phương tiện hiện đại, công nghệ tiên tiến để bảo đảm hiệu quả quản lý hải quan; Tổ chức, cá nhân hoạt động XK, NK có trách nhiệm tham gia xây dựng, thực hiện giao dịch điện tử và thủ tục hải quan điện tử⁷.

2.1.2. Đánh giá thực trạng pháp luật về kiểm tra sau thông quan

2.1.2.1. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, hoàn thành việc tham mưu, xây dựng nội dung về KTSTQ tại các văn bản quy phạm pháp luật về hải quan như Luật Hải quan số 54/2014/QH13, Nghị định 08/2015/NĐ-CP, Thông tư 38/2015/TT-BTC, Nghị định số 59/2018/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi bổ sung Thông tư 38/2015/TT-BTC, góp phần hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến công tác KTSTQ phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội cũng như yêu cầu quản lý nhà nước theo hướng hiện đại, chuyển dịch dần từ tiền kiểm sang hậu kiểm của ngành hải quan.

Thứ hai, hoàn thành xây dựng Quy trình KTSTQ ban hành kèm theo Quyết định 1410/QĐ-TCHQ ngày 14/5/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan; ban hành QĐ 575/QĐ-TCHQ ngày 21/3/2019 thay thế Quyết định số 1410/QĐ-TCHQ ngày 14/05/2015 về việc ban hành Quy trình KTSTQ, có hiệu lực thi hành từ 01/04/2019. Quy trình KTSTQ chính là cẩm nang cho hoạt động KTSTQ, quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ và nội dung tiến hành các bước công việc từ thu thập và xử lý thông tin, xác định đối tượng kiểm tra, thực hiện kiểm tra, xử lý kết quả kiểm tra và giải quyết các công

⁷ Luật Hải quan 2014, Điều 28

việc có liên quan đến kết quả kiểm tra của cơ quan hải quan, công chức hải quan thực hiện KTSTQ.

Thứ ba, hoàn thành tham mưu, xây dựng nội dung về doanh nghiệp ưu tiên, quản lý doanh nghiệp ưu tiên tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, Thông tư số 38/2015/TT-BTC, Thông tư số 72/2015/TT-BTC và Thông tư số 07/2019/TT-BTC sửa đổi bổ sung Thông tư số 72/2015/TT-BTC, góp phần xây dựng, duy trì và phát triển chương trình doanh nghiệp ưu tiên tại Việt Nam, hướng tới ký kết các Chương trình công nhận lẫn nhau với các nước trên thế giới.

2.1.2.2. Một số hạn chế, tồn tại

Thứ nhất, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến KTSTQ đã tương đối đầy đủ, tuy nhiên để đáp ứng được yêu cầu của công tác KTSTQ trong tình hình mới, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật vẫn còn bộc lộ một số tồn tại cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thống nhất, cụ thể:

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật kiểm tra sau thông quan ở tỉnh Quảng Trị

Giới thiệu về Cục hải quan Quảng Trị và hoạt động kiểm tra sau thông quan tại tỉnh Quảng Trị

Ngày 08/01/1990, Hải quan Quảng Trị được thành lập theo quyết định số 03/QĐ-TCCB của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan. Đến nay (năm 2020), trải qua 30 năm xây dựng và phát triển, Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị đã không ngừng lớn mạnh về mọi mặt và đã có những đóng góp to lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà, của Hải quan Việt Nam và của đất nước. Lịch sử 30 năm của Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị là lịch sử của quá trình đổi mới, cải cách, phát triển, hiện đại hóa hải quan và gắn liền với quá trình xây dựng, đổi mới, mở cửa hội nhập của đất nước và quê hương Quảng Trị anh hùng.

Thứ nhất, Chi cục kiểm tra sau thông quan đã tổ chức được các cuộc KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý của Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị, bao quát được địa bàn và đối tượng kiểm tra.

Thứ hai, đã thu thập và góp phần với Tổng cục Hải quan xây dựng được hệ thống cơ sở thông tin dữ liệu, hướng dẫn thực hiện về việc KTSTQ đối với

hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu các doanh nghiệp cụ thể trên địa bàn quản lý.

Thứ ba, đã tổ chức bộ máy quản lý nghiệp vụ, bố trí được lực lượng CBCC, tổ chức đào tạo cơ bản và thực hành đội ngũ CBCC chuyên sâu trong việc theo dõi, KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý.

Tuy nhiên, về mặt đánh giá bên cạnh mặt đạt được cũng có một số tồn tại, cụ thể:

Thứ nhất, tỷ lệ số lượng cuộc kiểm tra sau thông quan/số lượng doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu trên địa bàn do Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị quản lý còn quá thấp, chưa tương xứng.

Thứ hai, về cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động của Chi cục KTSTQ bộ phận chuyên trách thực hiện chuyên sâu để KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu còn mỏng.

Thứ ba, việc thu thập thông tin, dữ liệu của Ngành trên các hệ thống VNACCS/VCIS chưa đáp ứng được yêu cầu công tác KTSTQ.

Thứ tư, do chế độ chính sách pháp luật đối với quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thường xuyên được thay đổi, đặc biệt là chính sách về mặt hàng và chính sách về thuế suất, do đó, việc kiểm tra theo dõi nắm tình hình đối tượng nộp thuế để xác định thông tin, đối tượng nghi vấn và tiến hành KTSTQ chưa được kịp thời dẫn đến còn nhiều mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu có nghi vấn chưa được tiến hành KTSTQ một cách kịp thời. Kết quả là chưa thể ngăn chặn, hạn chế được hành vi gian lận về chính sách mặt hàng, chính sách thuế của doanh nghiệp, thất thoát số tiền thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Thứ năm, công tác phối kết hợp giữa các cơ quan chức năng như Cục Thuế, Công an, Kho bạc, Quản lý thị trường,....

Thứ sáu, trong công tác quản lý rủi ro

Với việc áp dụng quản lý rủi ro là nguyên tắc quan trọng trong hoạt động KTSTQ, CQHQ cũng đã chú trọng vào việc thu thập thông tin quản lý rủi ro tại một số Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Thứ bảy, trong công tác hợp tác quốc tế

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại như: tiến độ triển khai các hoạt động đối ngoại còn bị hạn chế, việc nghiên cứu, tìm hiểu và tổng hợp xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về kinh nghiệm, thông lệ từ các

tổ chức quốc tế có liên quan và hải quan các nước về các vấn đề nghiệp vụ hải quan chưa đáp ứng yêu cầu. Một số quy định của pháp luật Việt Nam còn mâu thuẫn với các chuẩn mực quốc tế, khiến cho việc thực thi và áp dụng pháp luật còn gặp nhiều khó khăn.

Kết luận Chương 2

Trong những năm vừa qua, pháp luật KTSTQ đã có nhiều thích ứng với yêu cầu quản lí của hải quan hiện đại, đảm bảo cho sự đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan cho hàng hóa XNK, chống thất thu thuế vào NSNN ngay cả khi hàng hóa đã được thông quan.

Bên cạnh đó, pháp luật về KTSTQ vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế như: Pháp luật về KTSTQ có một số điểm chưa thể hiện sự thống nhất các chuẩn mực, quy định về hoạt động KTSTQ đối với pháp luật quốc tế, số quy định pháp luật về KTSTQ chưa có sự thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật, chưa phù hợp với thực tiễn thi hành, quy định về trường hợp tiến hành KTSTQ tại CQHQ còn gây khó khăn trong quá trình thực thi pháp luật, việc áp dụng nguyên tắc rủi ro, ứng dụng CNTT hiện đại vào thực tiễn thi hành còn gặp nhiều khó khăn,...

Từ những hạn chế trên, dưới sự tác động của sự phát triển - kinh tế xã hội nhanh chóng, hội nhập kinh tế phát triển đòi hỏi sự cải tiến không ngừng từ CQHQ; do tác động của pháp luật về KTSTQ đối với cán bộ, công chức hải quan trong quá trình thực thi nhiệm vụ; do cơ chế áp dụng quản lý rủi ro và cung cấp thông tin còn chưa đồng bộ với tiêu chuẩn quốc tế và chuẩn mực của một số quốc gia. Những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế này sẽ đặt ra những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về KTSTQ ở Việt Nam.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật kiểm tra sau thông quan ở Việt Nam hiện nay

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về kiểm tra sau thông quan về tài chính bảo đảm đúng định hướng, quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước

Xuất phát từ quan điểm chỉ đạo của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế phát triển sản xuất trong nước, mở rộng thị trường xuất khẩu, cải cách thủ tục hành chính, thu hút đầu tư, tạo thuận lợi cho thương mại đòi hỏi ngành Hải quan phải nâng cao năng lực quản lý, đáp ứng yêu cầu của hải quan hiện đại: vừa đảm bảo hỗ trợ thông quan nhanh chóng cho hàng hoá xuất nhập khẩu, tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại quốc tế nhưng phải đảm bảo quản lý chặt chẽ hoạt động xuất nhập khẩu, chống buôn lậu và gian lận thương mại có hiệu quả, ngăn chặn các giao dịch bất hợp pháp, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách, góp phần bảo vệ trật tự an toàn xã hội, lợi ích người tiêu dùng, đảm bảo lợi ích và chủ quyền an ninh quốc gia.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về kiểm tra sau thông quan đảm bảo sự phù hợp với các cam kết của Việt Nam trong quá trình hội nhập

Tại Nghị quyết 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 về Hội nhập quốc tế của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng, một trong những định hướng chủ yếu của hội nhập kinh tế quốc tế là thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã thỏa thuận, tham gia các khu vực mậu dịch tự do với các đối tác kinh tế - thương mại quan trọng, chủ động xây dựng và thực hiện các biện pháp bảo vệ lợi ích chính đáng của Nhà nước, doanh nghiệp và người tiêu dùng trong nước.

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về kiểm tra sau thông quan phải gắn với quá trình cải cách, hiện đại hóa hải quan theo mục tiêu phát triển của Hải quan Việt Nam

Chủ trương được thể hiện tại Quyết định 448/QĐ-TTg ngày 25/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ, chiến lược, tầm nhìn cải cách, phát triển và hiện đại hóa ngành Hải quan đến năm 2020 nhằm đảm bảo phương hướng, cách

thức triển khai, bắt kịp các nước tiên tiến trong việc quản lý nhà nước về hải quan.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật kiểm tra sau thông quan

3.2.1. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật kiểm tra sau thông quan

Thứ nhất, sửa đổi Điều 14 Luật Hải quan 2014 phù hợp với việc tái cấu trúc ngành hải quan theo mô hình hải quan vùng..

Thứ hai, bổ sung quy định pháp luật về phạm vi kiểm tra và nội dung của KTSTQ, theo hướng:

Thứ ba, bổ sung quy định về quyền của người khai hải quan khi KTSTQ có kết quả đáp ứng tiêu chí tuân thủ pháp luật.

Thứ tư, xây dựng và bổ sung các quy định pháp luật về chuẩn mực KTSTQ để hạn chế những khoảng trống pháp lý trong điều chỉnh quan hệ pháp luật về KTSTQ như: xây dựng chuẩn mực quy định về trách nhiệm của công chức hải quan ở khâu thông quan; chuẩn mực về tiêu chuẩn công chức KTSTQ; bổ sung chuẩn mực về KTSTQ đối với một số nội dung liên quan số thuế phải nộp như trị giá hải quan, mã số, thuế suất, xuất xứ, gia công, sản xuất xuất khẩu, nhập đầu tư...;

Thứ năm, Sửa đổi, bổ sung Luật quản lý thuế về thẩm quyền ban hành Quyết định kiểm tra, trình tự thủ tục kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan quản lý thuế.

Theo quy định hiện hành, việc kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan quản lý

Thứ sáu, ban hành bộ chỉ số đánh giá hiệu quả tài chính trong kiểm tra sau thông quan

3.2.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả tài chính trong kiểm tra sau thông quan

3.2.2.1. Giải pháp chung

Một là, cải cách mô hình tổ chức lực lượng kiểm tra sau thông quan

Theo tinh thần Nghị Quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và chỉ đạo của Bộ Tài chính, việc cơ cấu lại mô hình tổ chức bộ máy của lực lượng KTSTQ toàn ngành cần đáp ứng yêu cầu tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả tài chính trong KTSTQ. Trên cơ sở kế hoạch cải cách hiện đại hóa hải quan giai đoạn 2021 – 2030, cần xây dựng tổ chức bộ máy KTSTQ theo 03 cấp (cấp Tổng cục, cấp Vùng và cấp Chi cục)

theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối trung gian, không chồng chéo về chức năng nhiệm vụ đảm bảo hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu quản lý theo mô hình nghiệp vụ hải quan tập trung, thông minh. Mô hình tổ chức tinh gọn sẽ góp phần giảm chi phí quản lý cho hoạt động KTSTQ, đồng thời gia tăng kết quả đầu ra của KTSTQ, từ đó nâng cao hiệu quả tài chính trong KTSTQ.

Hai là, bố trí nguồn nhân lực kiểm tra sau thông quan theo vị trí việc làm

Cùng với việc xây dựng mô hình tổ chức bộ máy KTSTQ trong toàn ngành tập trung ở cấp Tổng cục thì việc bố trí sắp xếp cán bộ KTSTQ cũng có ý nghĩa hết sức quan trọng, nó quyết định đến hiệu quả tài chính của công tác KTSTQ.

Ba là, cải cách tiền lương theo vị trí việc làm

Song hành cùng việc bố trí nhân sự KTSTQ theo vị trí việc làm là vấn đề cải cách tiền lương theo vị trí việc làm. Việc cải cách tiền lương theo vị trí việc làm thực hiện theo tinh thần của Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 21/5/2018 và Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ.

Bốn là, nâng cao chất lượng lựa chọn đối tượng kiểm tra sau thông quan

Đối tượng KTSTQ là yếu tố đầu vào của mô hình nghiệp vụ KTSTQ. Trong mô hình quản lý hải quan hiện đại, việc lựa chọn đối tượng KTSTQ được thực hiện thông qua việc thu thập, phân tích, xử lý thông tin dựa trên nguyên tắc quản lý rủi ro. Do vậy để nâng cao chất lượng lựa chọn đối tượng kiểm tra, cần tăng cường áp dụng có hiệu quả quản lý rủi ro trong công tác thu thập, phân tích, xử lý thông tin phục vụ KTSTQ.

Năm là, hoàn thiện công tác quản lý rủi ro phục vụ kiểm tra sau thông quan

Xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc theo từng lĩnh vực, từng địa bàn với đầy đủ tiêu chí phục vụ quản lý rủi ro, cập nhật thường xuyên, liên tục và kịp thời.

Sáu là, tiếp tục hoàn thiện quy trình kiểm tra sau thông quan

Hiện nay, toàn lực lượng KTSTQ đang thực hiện theo quy trình KTSTQ ban hành kèm theo Quyết định 575/QĐ-TCHQ ngày 21/3/2019 của Tổng cục trưởng

Bảy là, sử dụng các công cụ tài chính hỗ trợ thực hiện kiểm tra sau thông quan

Cụ thể như xây dựng các khoản kinh phí phục vụ cho hoạt động điều tra hình sự của lực lượng KTSTQ.

Tám là, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào các bước thực hiện kiểm tra sau thông quan

Bên cạnh việc phát triển hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu thì cán bộ công chức KTSTQ cũng cần phải ứng dụng tối đa được các hệ thống phần mềm này vào hoạt động KTSTQ từ khâu phân tích thông tin đến tiến hành kiểm tra và xử lý kết quả kiểm tra.

3.2.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan tại tỉnh Quảng Trị

Hai là, tăng cường trang thiết bị cơ sở vật chất và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong KTSTQ

Ba là, tuyên truyền pháp luật về hoạt động kiểm tra sau thông quan cho các đối tượng kiểm tra sau thông quan

Tiểu kết Chương 3

Luận văn đã đi sâu tìm hiểu về khái niệm, bản chất của pháp luật KTSTQ trên nền tảng các nguyên tắc, làm rõ những vấn đề pháp lý đề đối tượng, nội dung, nguyên tắc, vai trò, phương thức hoạt động của pháp luật KTSTQ. Bên cạnh đó, luận văn cũng tập trung phân tích những mặt tích cực đã đạt được, những hạn chế của pháp luật Việt Nam về KTSTQ trong xây dựng hệ thống pháp luật và trong thực tiễn thi hành. Trên cơ sở những ưu, nhược điểm đó đưa ra những giải pháp chung và giải pháp cụ thể để hoàn thiện pháp luật Việt Nam, hướng pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật hải quan nói riêng đến chuẩn mực của quốc tế, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế, thương mại trong bối cảnh toàn cầu hóa, hiện đại hóa.

Như vậy, có thể thấy chương 3 của luận văn đã tiếp cận các định hướng đổi mới về kiểm tra sau thông quan nhằm đưa ra các giải pháp hiệu quả ở góc độ pháp luật, hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật ở Việt Nam và tỉnh Quảng Trị nói riêng.

KẾT LUẬN

Như vậy qua kết quả nghiên cứu tại chương 1,2,3 của Luận văn đã giải quyết được một số vấn đề sau:

Thứ nhất, làm rõ cơ sở lý luận của KTSTQ thông qua khái niệm, các đặc trưng cơ bản của KTSTQ, nguyên tắc, phương pháp KTSTQ, quy trình KTSTQ. Những nội dung cơ bản pháp luật kiểm tra sau thông quan dựa vào những cách tiếp cận hệ thống lý luận pháp luật phù hợp.

Thứ hai, để có cái nhìn tổng thể, toàn diện trong KTSTQ, luận văn phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật qua đánh giá các quy định trong pháp luật hải quan và pháp luật về thuế, đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật kiểm tra sau thông quan ở tỉnh Quảng Trị. Qua đó, đánh giá được các mặt ưu điểm và bất cập trong thực thi pháp luật, công tác KTSTQ tại địa phương.

Thứ ba, luận văn đã đưa ra định hướng phát triển KTSTQ trong giai đoạn hiện nay, đưa ra các nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật KTSTQ. Các định hướng đưa ra bám sát hệ thống các tiêu chí/chỉ số đánh giá hiệu quả trong KTSTQ để hệ thống pháp luật kiểm tra sau thông quan đi vào thực tiễn phù hợp, tương thích với hệ thống pháp luật quốc tế.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Ngọc Anh (2010), Nâng cao hiệu quả áp dụng quản lý rủi ro trong lĩnh vực nghiệp vụ hải quan - Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành.
2. Nguyễn Công Bình (2008), Nghiên cứu ứng dụng phương pháp quản lý hải quan hiện đại nhằm tạo thuận lợi cho thương mại quốc tế của Hải quan Việt Nam, Luận văn tiến sĩ kinh tế, Viện Nghiên cứu Thương mại, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Bình (2007), Nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu theo loại hình gia công, Đề tài khoa học cấp Ngành, Tổng cục Hải quan, Hà Nội.
4. Bộ Tài chính (2015), Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.
5. Trịnh Kiên Cường (2018), Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan hàng tiêu dùng nhập khẩu tại Hải quan Hải Phòng, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Dân lập Hải Phòng, Hải Phòng.
6. Chính phủ (2013), Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.
7. Chính phủ (2015), Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.
8. Chính phủ (2016), Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.
9. Chính phủ (2017), Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.
10. Chính phủ (2018), Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.
11. Chính phủ (2018), Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

12. Chính phủ (2019), Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.
13. Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Huyền (2012), Quản trị kinh doanh, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
14. Học viện Tài chính (2017), Giáo trình Hải quan cơ bản, Nxb. Tài chính.
15. Lê Ngọc Linh (2018), Nâng cao hiệu quả kiểm tra trị giá Hải quan trong hoạt động kiểm tra sau thông quan tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.
16. Lê Ngọc Linh (2018), Nâng cao hiệu quả kiểm tra trị giá Hải quan trong hoạt động kiểm tra sau thông quan tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Dân lập Hải Phòng, Hải Phòng.
17. Nguyễn Thùy Linh (2014), Nâng cao hiệu quả thủ tục hải quan điện tử ở Việt Nam hiện nay, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Hà Nội